

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **399/2023/HC-PT**

Ngày: 13/6/2023

*“V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Tô Ngọc

Các Thẩm phán: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 713/2022/TLPT-HC ngày 07 tháng 11 năm 2022.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2022/HC-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1249/2023/QĐPT-HC ngày 22 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1954;

Địa chỉ: phường Hàm T, TP PT tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1968; Địa chỉ: phường P, TP PT, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt)

2. Người bị kiện: 1. Ủy ban nhân dân thành phố PT.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố PT

Địa chỉ: phường Hàn T, TP PT, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hoàng T1 – Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh S - Phó Chủ tịch; (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Võ Văn P1 - Phó phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố PT. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Trần Thị Q**, sinh năm 1958.
Địa chỉ: phường Hàm T, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1968; Địa chỉ: phường P, TP PT, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Văn P trình bày:

Ngày 29/12/2006, Ủy ban nhân dân thành phố PT ban hành Quyết định số 12966/QĐ-UBND về việc thu hồi 14.539m² đất và điều chỉnh giảm diện tích xuống còn 13.235m² tại Quyết định số 7433/QĐ-UBND ngày 22/10/2007 (thửa số 34, tờ bản đồ số 9) của hộ ông Nguyễn Văn T đang sử dụng tại xã Thiện N để thực hiện quy hoạch sử dụng đất hai bên đường 706B (đoạn Km7 + 436 đến Km15).

Ngày 30/6/2014, Ủy ban nhân dân thành phố PT ban hành Quyết định số 2348/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường về đất và tài sản có trên đất của hộ ông Nguyễn Văn T với tổng số tiền là 1.164.680.000đồng (một tỷ một trăm sáu mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng); bồi thường, hỗ trợ về hoa màu, cây trái là 74.386.000 đồng (Bảy mươi bốn triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Ngày 24/01/2018, Ủy ban nhân dân thành phố PT ban hành Quyết định số 445/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí bồi thường hỗ trợ (bổ sung) đối với hộ ông Nguyễn Văn T với tổng số tiền là 144.900.000 đồng (một trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm nghìn đồng), trong đó: Bồi thường, hỗ trợ về đất là 126.000.000 đồng (một trăm hai mươi sáu triệu đồng).

Hộ ông Nguyễn Văn T không đồng ý với nội dung của Quyết định số 445 nêu trên và đã không nhận khoản tiền này, bởi vì: Hộ ông T cho rằng Ủy ban nhân dân thành phố PT ban hành Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 24/01/2018, tại thời điểm luật Đất đai năm 2013 đã có hiệu lực pháp luật nhưng Ủy ban nhân dân thành phố PT lại căn cứ và áp dụng các chính sách về đất đai được quy định tại Luật Đất đai năm 2003. Cụ thể là Ủy ban nhân dân thành phố PT áp dụng Theo Quyết định số 28/2010/QĐ-UBND ngày 22/6/2010 và Quyết định số 10/2011/QĐ-UBND ngày 01/6/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh B đã hết hiệu lực pháp luật để phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) cho hộ ông T là trái quy định pháp luật.

Nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm nên ngày 22/10/2018, ông Nguyễn Văn T đã làm đơn khiếu nại Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 24/01/2018, của Ủy ban nhân dân thành phố PT về việc phê duyệt kinh phí bồi

thường, hỗ trợ (bổ sung) cho hộ ông Nguyễn Văn T tại dự án xây dựng công trình đường và quỹ đất hai bên đường ĐT 706B.

Ngày 21/5/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố PT ban hành Quyết định số 2187/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T (lần đầu) có nội dung không chấp thuận đơn khiếu nại, giữ nguyên Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 24/01/2018, của Ủy ban nhân dân thành phố PT về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) đối với hộ ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Q.

Vì những lý do trên, người khởi kiện ông Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Hủy Quyết định số 2187/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố PT về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T (lần đầu);

2/ Hủy Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố PT về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) đối với hộ ông Nguyễn Văn T - bà Trần Thị Q dự án Xây dựng công trình đường và sử dụng đất hai bên đường 706B tại xã Thiện N, TP PT;

3/ Buộc Ủy ban nhân dân thành phố PT ban hành Quyết định phê duyệt bổ sung khoản hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Q là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp đối với phần diện tích đất thu hồi 13.235m² theo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố PT và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Đối với quyết định số 2187/QĐ-UBND ngày 21/5/2021, của chủ tịch UBND thành phố PT về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T (lần đầu).

Ông Nguyễn Văn T khiếu nại quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 24/1/2018, của UBND thành phố PT về việc phê duyệt kinh phí bồi thường hỗ trợ bổ sung đối với hộ ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Q thuộc dự án xây dựng công trình đường và sử dụng quỹ đất 02 bên đường 706 B tại xã Thiện N, TP PT. Vì ông T cho rằng UBND thành phố PT căn cứ quy định của luật Đất đai năm 2003, áp dụng theo Quyết định số 28/2010/QĐ-UBND ngày 22/6/2010 và Quyết định số 10/2011/QĐ-UBND ngày 01/6/2011 của UBND tỉnh B đã hết hiệu lực pháp luật để không phải duyệt khoản hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp là không đúng quy định.

Về hình thức thẩm quyền giải quyết Khiếu nại: Chủ tịch UBND thành phố PT ban hành Quyết định số 2187/QĐ-UBND ngày 21/5/2021, của Chủ tịch UBND thành phố PT về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T (lần đầu) là đúng thẩm quyền theo quy định tại điều 18 Luật khiếu nại.

Về trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại: Chủ tịch UBND thành phố PT ban hành Quyết định số 2187/QĐ-UBND ngày 21/5/2021, của Chủ tịch UBND thành phố PT về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T (lần đầu) là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại các Điều 27; 28; 29; 30 ; 31 và Điều 32 Luật Khiếu nại.

Về nội dung giải quyết khiếu nại: Ngày 29/12/2006, UBND thành phố PT ban hành Quyết định số 12966/QĐ-UBND về việc thu hồi 14.593,0 m² đất của hộ ông Nguyễn Văn T đang sử dụng tại xã Thiện N để thực hiện xây dựng công trình đường và quỹ đất 02 bên đường 706 B (điều chỉnh giảm diện tích xuống còn 13.235,0 m² thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ dự án số 9 tại Quyết định số 7433/QĐ-UBND ngày 22/10/2007).

Ngày 30/6/2014, UBND thành phố PT ban hành Quyết định số 2348/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường về đất và tài sản có trên đất của hộ ông Nguyễn Văn T với số tiền là 1.239.006.000 đồng (bao gồm: Bồi thường về đất là 1.164.000.000 đồng; bồi thường, hỗ trợ về hoa màu, cây trái là 74.368.000 đồng) hộ ông Nguyễn Văn T đã nhận số tiền bồi thường vào ngày 19/10/2014, ngày 14/2/2015, ngày 25/12/2017.

Đối với các khoản hỗ trợ trực tiếp sản xuất nông nghiệp: Ngày 16/8/2017, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố PT họp kết luận: Hỗ trợ đất nông nghiệp theo quy định tại Điều 28 Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 22/6/2010 và khoản 4, khoản 5 Điều 1 Quyết định số 10/2011/QĐ-UBND ngày 01/6/2011, của UBND tỉnh; hỗ trợ đời sống và ổn định sản xuất theo quy định tại Điều 30 Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 22/6/2010 và khoản 6, khoản 7 Điều 1 Quyết định số 10/2011/QĐ-UBND ngày 01/6/2011, của UBND tỉnh.

Trên cơ sở này, ngày 24/1/2018 UBND thành phố PT ban hành Quyết định số 445/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) đối với hộ ông Nguyễn Văn T, tổng số tiền là 144.900 đồng (bao gồm: Bồi thường, hỗ trợ về đất là 126.000.000 đồng; hỗ trợ ổn định đời sống 18.900.000 đồng).

Căn cứ khoản 6 Điều 210 Luật đất đai năm 2013 quy định: “*Đối với những dự án, hạng mục đã chi trả xong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày luật này có hiệu lực thi hành thì không áp dụng theo quy định của luật này, Trường hợp những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án đã*

được phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng theo quy định của luật này.”

Khoản 3 Điều 34 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của chính phủ quy định “*Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01/7/2014 tiếp tục thực hiện phương án đã phê duyệt*”.

Căn cứ quy định pháp luật đã được viện dẫn trên, trường hợp hộ ông Nguyễn Văn T đã được UBND thành phố PT ban hành Quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ số 2348/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 (trước ngày Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực thi hành); Quyết định phê duyệt này được áp dụng chính sách theo Luật Đất đai năm 2003; Quyết định 959/QĐ-UBND ngày 18/3/2012 của UBND tỉnh Bình Thuận; Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 22/6/2010 và Quyết định số 10/2011/QĐ-UBND ngày 01/6/2011 của UBND tỉnh sửa đổi bổ sung Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 22/6/2010 của UBND tỉnh B.

Do đó, nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Văn T đã được Chủ tịch UBND thành phố PT ban hành Quyết định số 2187/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T (lần đầu) không chấp nhận đơn khiếu nại, giữ nguyên Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của UBND thành phố PT về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) đối với hộ ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Q là có căn cứ.

Đối với Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 24/01/2018, của UBND thành phố PT về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) đối với hộ ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Q.

Căn cứ để ban hành quyết định: Điều 210 Luật Đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 72 Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 của UBND tỉnh B.

Áp dụng chính sách để bồi thường, hỗ trợ bổ sung: Điều 28 Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 22/6/2010 và khoản 4, khoản 5 Điều 1 Quyết định số 10/2011/QĐ-UBND ngày 01/6/2011, của UBND tỉnh; hỗ trợ đời sống và ổn định sản xuất theo quy định tại Điều 30 Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 22/6/2010 và khoản 6, khoản 7 Điều 1 Quyết định số 10/2011/QĐ-UBND ngày 01/6/2011 của UBND tỉnh. Do đó, UBND thành phố PT ban hành Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) đối với hộ ông Nguyễn Văn T là có căn cứ pháp luật.

Ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2187/QĐ-UBND ngày 21/5/2021, của Chủ tịch UBND thành phố PT về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T (lần đầu); hủy Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày

24/1/2018 của UBND thành phố PT về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) đối hộ ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Q; Buộc UBND thành phố PT ban hành quyết định phê duyệt bổ sung khoản hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Q là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp đối phần diện tích đất bị thu hồi 13,235 m² theo đúng quy định luật đất đai năm 2013 là không có căn cứ pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2022/HC-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Hủy Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 24/01/2018, của Ủy ban nhân dân thành phố PT về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) đối với hộ ông Nguyễn Văn T - bà Trần Thị Q dự án Xây dựng công trình đường và sử dụng đất hai bên đường 706B tại xã Thiện N, TP PT;

Hủy Quyết định số 2187/QĐ-UBND ngày 21/5/2021, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố PT về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T (lần đầu).

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố PT thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo.

Ngày 26/8/2022 Ủy ban nhân dân thành phố PT không đồng ý với quyết định của tòa án cấp sơ thẩm về việc hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 2187/QĐ- UBND ngày 21/5/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố PT, hủy Quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường hỗ trợ (bổ sung) cho ông Nguyễn Văn T số 445/QĐ- UBND ngày 24/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố PT, đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày: Đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không đưa UBND xã Thiện N, Trung tâm phát triển quỹ đất tham gia tố tụng. Trong trường hợp không hủy án thì đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Về Quyết định số 445/QĐ-UBND: Ngày 30/6/2014, UBND thành phố PT ban hành Quyết định số 2348/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường về đất và tài sản có trên đất của hộ ông Nguyễn Văn T. Ngày 24/01/2018, UBND thành phố PT ban hành Quyết định số 445/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí bồi

thường, hỗ trợ (bổ sung) đối với hộ ông Nguyễn Văn T, Các Quyết định bồi thường hỗ trợ, bổ sung là quyết định bồi thường chi tiết cho từng hộ gia đình, không phải như cấp sơ thẩm nhận định. Việc UBND thành phố PT áp dụng Luật đất đai 2003 là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Đề nghị bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Thừa nhận Quyết định số 2348/QĐ-UBND ngoài việc thiếu hỗ trợ đất nông nghiệp trong khu đô thị, hỗ trợ ổn định đời sống (đã được bổ sung trong Quyết định số 445/QĐ-UBND), còn thiếu khoản hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm.

Đại diện người khởi kiện trình bày: giữ nguyên trình bày tại cấp sơ thẩm. Tại phiên tòa người bị kiện thừa nhận ngoài Quyết định số 2348/QĐ-UBND ngoài việc thiếu hỗ trợ đất nông nghiệp trong khu đô thị, hỗ trợ ổn định đời sống (đã được bổ sung trong Quyết định số 445/QĐ-UBND), còn thiếu khoản hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm. Đề nghị xem xét buộc bồi thường luôn phần này. Đề nghị hủy Quyết định số 2348/QĐ-UBND để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho người dân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo Ủy ban nhân dân thành phố PT làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Về nội dung: Quyết định bồi thường của UBND Thành phố PT chưa có chi tiết về hỗ trợ đất trong khu dân cư và hỗ trợ ổn định đời sống. Quyết định hỗ trợ bổ sung chưa áp dụng đúng chính sách bồi thường. Quyết định giải quyết khiếu nại không chấp nhận khiếu nại của ông Nguyễn Văn T là không đúng. Bản án sơ thẩm tuyên hủy các Quyết định là có căn cứ. Đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố PT làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của người bị Ủy ban nhân dân thành phố PT, Hội đồng xét xử có nhận định như sau:

-Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn T khiếu nại đối với Quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất. Việc xem xét tính hợp pháp của Quyết định không ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của UBND xã Thiện N, Trung tâm Phát triển quỹ đất. Việc cấp sơ thẩm không đưa các đơn vị này tham gia tố tụng là có căn cứ.

-Về các Quyết định bị khởi kiện: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định:

Ngày 30/6/2014, UBND thành phố PT ban hành Quyết định số 2348/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường về đất và tài sản có trên đất của hộ ông Nguyễn Văn T (bao gồm: Bồi thường về đất là 1.164.000.000 đồng; bồi thường, hỗ trợ về hoa màu, cây trái là 74.368.000 đồng) hộ ông Nguyễn Văn T đã nhận số tiền bồi thường vào ngày 19/10/2014, ngày 14/2/2015, ngày 25/12/2017. Tại Bảng tính toán giá trị bồi thường, hỗ trợ kèm theo Quyết định số 2348/QĐ-UBND có ghi: “Trung tâm chưa tính hỗ trợ đất nông nghiệp trong đô thị theo Điều 28 Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 22/6/2012, sau khi có giá đất ở trung bình Trung tâm sẽ tính bổ sung cho hộ”. ngày 24/1/2018 UBND thành phố PT ban hành Quyết định số 445/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) đối với hộ ông Nguyễn Văn T, tổng số tiền là 144.900.000 đồng (bao gồm: Bồi thường, hỗ trợ về đất là 126.000.000 đồng; hỗ trợ ổn định đời sống 18.900.000 đồng). Như vậy, các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường về đất và tài sản có trên đất của hộ ông Nguyễn Văn T là Quyết định phê duyệt phương án bồi thường chi tiết. Việc áp dụng Luật đất đai 2003 và các quy định, chính sách về bồi thường theo Luật đất đai 2003 là có căn cứ.

Tuy nhiên đối chiếu quy định chính sách bồi thường tại thời điểm ban hành Quyết định bồi thường thì việc bồi thường cho hộ ông T thiếu các khoản sau: Hỗ trợ đối với đất nông nghiệp trong khu dân cư theo Điều 21 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009; hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm theo Điều 28 và Điều 29 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004. Quyết định số 445/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ ông T đã hỗ trợ, bổ sung đối với đất nông nghiệp trong khu dân cư chưa có hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm. Như vậy Quyết định số 2348/QĐ-UBND được ban hành chưa phù hợp quy định pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, người khởi kiện yêu cầu xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 2348/QĐ-UBND. Xét thấy, Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 24/1/2018 là Quyết định sửa đổi, bổ sung cho Quyết định số 2348/QĐ-UBND. Cần xem xét Quyết định số 445/QĐ-UBND là một tổng thể, không tách rời Quyết định số 2348/QĐ-UBND. Do đó người khởi kiện yêu cầu xem xét tính hợp pháp Quyết

định số 2348/QĐ-UBND là có căn cứ, còn thời hiệu khởi kiện. Mặt khác nếu chỉ tuyên hủy Quyết định số 445/QĐ-UBND, UBND thành phố PT không ban hành lại Quyết định bồi thường hỗ trợ bổ sung, không xem xét hỗ trợ các khoản còn thiếu sẽ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Xét thấy đây là yêu cầu mới, có căn cứ. Cần hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại, xem xét tính hợp pháp Quyết định số 2348/QĐ-UBND.

Khi xét xử lại, Tòa án cấp sơ thẩm cũng cần lưu ý Quyết định số 2348/QĐ-UBND và Quyết định số 445/QĐ-UBND là Quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn T, cần xác minh, đưa các thành viên trong hộ gia đình ông T tham gia tố tụng. Ngoài ra, cấp sơ thẩm nhận định “UBND thành phố PT ban hành phê duyệt bổ sung do thu hồi 13.235 m² theo đơn giá 84.000 đồng/m² là không đúng gây thiệt hại cho hộ ông Nguyễn Văn T” nhưng chưa xác định lỗi bồi thường chậm do cơ quan có trách nhiệm bồi thường hay do người được bồi thường; chưa thu thập tài liệu, chứng cứ xác định đơn giá 84.000 đồng/m² là giá theo bảng giá đất năm nào, giá đất tại thời điểm bồi thường do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố cao hay thấp hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi. Cần thu thập các tài liệu này mà tại cấp phúc thẩm không thể bổ sung ngay được.

Về án phí: Do hủy án, Ủy ban nhân dân thành phố PT không phải chịu án phí phúc thẩm

Các phần khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241, Luật tổ tụng hành chính;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố PT; hủy bản án hành chính sơ thẩm số 38/2022/HC-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử lại.

2 Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố PT được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008412 ngày 29/9/2022 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bình Thuận.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, LPLT, (ĐHV)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Tô Ngọc